TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày 16/6/2020
V/V tranh chấp
"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Đình Nam
Ông Nguyễn Văn Chung

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sy Vĩ, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" thụ lý số 18/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020,Quyết định hoãn phiên tòa số 22 ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân xã DL
Địa chỉ : Phố T, xã DL, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa
Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, có mặt
Bị đơn: - Ông Nguyễn Viết D, sinh năm 1971
- Bà Lê Thị L, sinh năm 1974 (vợ ông D)
Đều có ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã TP, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa, đều vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*> Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2020, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày: Tại Hợp đồng tín dụng số 976/HĐTD ngày 24/3/2027 và giấy nhận nợ ngày 24/3/2017 được ký kết giữa Quỹ tín dụng DL và ông Nguyễn Viết D bà Lê Thị L thì ông D bà L đã vay Quỹ tín dụng DL số tiền là 30.000.000đ

(Ba mươi triệu đồng) lãi xuất trong hạn 1,15%/tháng, lãi xuất quá hạn 1,725%, lãi phạt chậm trả đối với nợ lãi 10%/năm đối với số nợ lãi chậm trả, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn trả nợ 24/3/2018, trả lãi hàng tháng vào ngày vay, trả tiền gốc dần trong kỳ hoặc đến hạn, hình thức vay, không thế chấp tài sản.

Đến nay bên vay mới trả được 12.000.000đ tiền gốc và 4.700.000đ tiền lãi, số tiền gốc và lãi còn lại, Quỹ tín dụng đã thông báo nhắc nhở nhiều lần nhưng bên vay vẫn chây ỳ không trả, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bên vay ông Nguyễn Viết D bà Lê Thị L phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 16/6/2020 là: 27.564.000đ gồm tiền gốc là 18.000.000đ, tiền lãi quá hạn là 9.564.000đ và đề nghị bên vay tiếp tục chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong tiền gốc.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Viết D bà Lê Thị L, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều không đến Tòa án làm việc cũng không có ý kiến gì, sau khi Tòa án Quyết định hoãn phiên tòa bị đơn mới cung cấp bản tự khai thừa nhận nội dung nguyên đơn khởi kiện là đúng và xác nhận còn nợ tiền gốc, tiền lãi là 27.564.000đ và cam kết trả đầy đủ nhưng do điều kiện khó khăn xin trả dần tiền gốc mỗi tháng 1.000.000đ, xin miễn giảm tiền lãi, căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

Phần tranh luận: Nguyên đơn không có ý kiến tranh luận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo tài liệu nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện, thì bị đơn ông Nguyễn Viết D và bà Lê Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện này thôn N, xã TP, huyện TS, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cùng với chính quyền địa phương đến tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông D bà L và mỗi lần tống đạt cán bộ tống đạt đều giải thích quy định của pháp luật để các bị đơn biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng không có ý kiến cũng không đến Tòa án làm việc, sau khi Tòa án hoãn phiên Tòa các bị đơn mới cung cấp bản tự khai, nhưng không tham gia hòa giải, tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án.

[2] Xét hợp đồng tín dụng số số 976/HĐTD ngày 24/3/2017 thì ông D bà L vay Quỹ tín dụng nhân dân xã DL số tiền 30.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, hình thức vay tín chấp, Hợp đồng tín dụng là hợp đồng vay tài sản về nội dung và hình thức không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 398, 463 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận để xem xét.

[3] Xét về yêu cầu trả tiền gốc: Nguyên đơn yêu cầu bên vay trả tiền gốc còn lại là 18.000.000 đồng, quá trình giải quyết ông Dũng bà Lệ không tham gia hòa giải nhưng căn cứ bản tự khai của bị đơn bị đơn thừa nhận có vay nguyên đơn số tiền gốc 30.000.000đồng với lãi xuất trong hạn, quá hạn, lãi phạt, thời hạn vay, mục đích vay đến nay mới trả được 12.000.000đồng tiền gốc và 4.7000.000đ tiền lãi, số tiền gốc và tiền lãi còn lại như nguyên đơn trình bày là đúng, do điều kiện khó khăn xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đ và xin miễn giảm tiền lãi, tiền phạt, nội dung tự khai của ông D, bà L phù với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ như hợp đồng tín dụng số số 976/HĐTD ngày 24/3/2017, (BL 02.03), Giấy nhận nợ (BL 04), Phiếu chi và các tài liệu khác có trong hồ sơ được ký kết giữa nguyên đơn và ông Nguyễn Viết D bà Lê Thị L, đủ căn cứ kết luận ông D bà L đã vay nguyên đơn số tiền 30.000.000đồng, đến nay mới thanh toán được 12.000.000đồng, số tiền gốc còn lại 18.000.000đ chưa thanh toán là có căn cứ, như vậy bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng (vi phạm điểm c Điều 7 HĐTD), vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự, do cả hai vợ chồng cùng ký kết hợp đồng vay tiền và số tiền vay dùng vào mục đích tiêu dùng nên buộc ông ông D,bà L phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc 30.000.000đồng, đã trả được 12.000.000 đồng, còn phải trả tiếp là 18.000.000đồng *(mười tám triệu đồng).*

[4] Xét về yêu cầu trả tiền lãi: Quỹ tín dụng DL yêu cầu bên vay trả tiền lãi quá hạn tính từ ngày 24/3/2018 đến ngày 16/6/2020 là 13.761.000đ đã thành toán được 4.700.000đ còn nợ 9.564.000đ

Theo Hợp đồng tín dụng số 976/HĐTD ngày 24/3/2017, Quỹ tín dụng DL cho ông D bà L vay số tiền là 30.000.000đ, lãi xuất trong hạn 1,15% một tháng, lãi xuất quá hạn bằng 1,725% lãi xuất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng nhưng đến nay bên vay mới trả được 4.700.000đ tiền lãi, số tiền lãi còn lại đến nay chưa trả nên phải trả, do bên vay chậm trả và tiền gốc theo hợp đồng đã thỏa thuận nên phải chịu tiền lãi quá hạn cụ thể.

- Lãi xuất trong hạn tính từ ngày 24/3/2017 đến ngày 24/3/2018 là 365 ngày (12 tháng 5 ngày) cụ thể 30.000.000đ x 1,15%/ tháng = 345.000đ/tháng x 12 tháng 5 ngày = 4.197.000 đồng.

-Lãi xuất quá hạn: Tính từ ngày 25/3/2018 đến ngày 30/3/2018 là 06 ngày, cụ thể 30.000.000đ x 1,725%/ tháng = 517. 500đ : 30 ngày x 06 ngày = 120.000đ.

Từ ngày 31/3/2018 đến ngày 28/5/2018 là 59 ngày (01 tháng 29 ngày) cụ thể 25.000.000đ x1,725%/ tháng = 431.250đ/tháng : 30 ngày = 14.375đ/ngày x 59 ngày = 847.000đ.

Từ ngày 29/5/2018 đến ngày 03/02/2020 là 616 ngày (20 tháng 10 ngày) cụ thể 20.000.000đồng x1,725%/ tháng = 345.000đ x 20 tháng 10 ngày = 7.084.000đồng.

Từ ngày 03/02/2020 đến ngày 16/6/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 195 ngày (06 tháng 15 ngày), cụ thể 18.000.000đồng x 1,725%/tháng = 310.500đ x 06 tháng 15 ngày = 2.016.000đ, cộng lãi quá hạn là 10.067.000đồng,Tổng cộng lãi trong hạn và lãi quá hạn là 14.267.000đ, đã thanh toán được 4.700.000đồng, còn phải thanh toán tiếp 9.564.000đồng.

Về đề nghị của bị đơn xin trả dần tiền gốc mỗi tháng 1.000.000đ và xin miễn giảm tiền lãi, nguyên đơn không đồng ý nên không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và điểm b,c mục II, Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết, hoàn trả lại án phí cho nguyên đơn.

Vì các lý lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, và điểm b,c mục II Danh mục án phí, lệ phí kèm theo nghị quyết.

Tuyên bố: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng DL đối với ông Nguyễn Viết D và bà Lê Thị L về tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng"*

Xử: Buộc bị đơn ông Nguyễn Viết D và bà Lê Thị L phải có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng DL số tiền là27.564.000 *(Hai mươi bảy triệu, năm trăm sáu tư nghìn đồng)* gồm tiền gốc là 18.000.000đ và tiền lãi là 9.564.000đ, ông Dũng bà Lệ tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/6/2020) cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc cho Quỹ tín dụng xã DL.

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Viết D và bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.378.200đồng *(một triệu ba trăm bảy tám nghìn hai trăm đồng)*

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Quỹ tín dụng DL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 637.000đồng (*Sáu trăm ba bảy nghìn đồng)*, tại biên lai số 3914 ngày 05/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Đình Hợp